

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/DS-PT

Ngày: 22 -7-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Phan Minh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2022/QĐXXPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh Tr; cư trú tại: Thôn PS, xã PS, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Đình Th; cư trú tại: Thôn PS, xã PS, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của ông Th: Ông Trần Đức T; cư trú tại: Thôn PS, xã PS, huyện T, tỉnh B là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 02/7/2022); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh B.

Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước: Ông Huỳnh N - Chủ tịch là người đại diện theo pháp luật (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Ông Lê Thanh Q.

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ D.

4. Bà Trần Thị Tuyết N.

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh B.

5. Bà Lê Thị Bích T; cư trú tại: Số nhà 67 Lý, thành phố Q, tỉnh B.

6. Bà Lê Thị Mỹ P; cư trú tại: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh B.

Đại diện hợp pháp của ông Q, bà D, bà N, bà Ph, bà T: Ông Lê Thanh Tr là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/7/2022).

7. Ông Trần Đình T.

8. Bà Lê Thị Mỹ V.

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh B.

Đại diện hợp pháp của bà Vương: Ông Trần Đình T là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 02/7/2022).

9. Bà Đỗ Thị Tuyết S; cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh B; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Thanh Tr là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Thanh Tr trình bày:

Cha ông là Lê VTh (chết năm 2019), mẹ là Nguyễn Thị Mỹ D, cha mẹ ông sinh ra 04 người con là Lê Thanh Q, Lê Thanh Tr, Lê Thị Mỹ P, Lê Thị Bích T. Cha mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ ông có tạo lập ngôi nhà và thửa đất giáp với đất của nhà ông Trần Đình Th, theo hồ sơ năm 1993 có số thửa 431, tờ bản đồ số 20, diện tích 140m². Năm 2009 cha mẹ cho vợ chồng ông một phần của thửa đất này, vợ chồng ông đã xây nhà nhưng chưa làm thủ tục tách thửa. Theo đo đạc của chương trình Vlap thì thửa đất này tách làm hai thửa là thửa số 290, tờ bản đồ số 56, diện tích 67,8m², hiện nay mẹ ông và anh trai là Lê Thanh Q đang sử dụng thì trong sổ đứng tên ông là Lê Thanh Tr, còn phần còn lại là thửa số 316, tờ bản đồ số 56, diện tích 52,9m² do ông sử dụng thì trong sổ bộ đứng tên cha ông. Như vậy diện tích hiện tại của gia đình ông chỉ còn lại 120,7m², so với hồ sơ địa chính cũ thì gia đình ông bị giảm mất 19,3m². Mặt khác, nằm kề thửa đất của ông là thửa đất hộ ông Trần Đình Th, theo hồ sơ năm 1993 thì thuộc thửa số 1743, tờ bản đồ số 20, diện tích 279m², thửa đất có số 291, tờ bản đồ số 56, diện tích 289m². Như vậy thửa đất của ông Th tăng so với hồ sơ địa chính cũ là 10,1m². Trong quá trình đo đạc hiện trạng thửa đất và xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình, ông không nhận được thông báo và giải thích vì sao đất gia đình ông bị giảm và diện tích đất gia đình ông Th lại tăng. Căn cứ theo thực tế và hiện trạng thì gia đình ông sử dụng đất ổn định, giữa nhà ông với nhà ông Th có hàng rào cách tường của nhà ông 30 phân. Nhưng nay ông Th cất nhà đã xây chồng lên nhà của ông và cha mẹ ông gây bức xúc nên ông yêu cầu ông Th trả lại đất lấn chiếm có chiều ngang 30cm, chiều dài 10m của hướng đông, và hướng bắc thì lấn 5m dài. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th chồng lên phần đất của cha mẹ ông nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Tr cho rằng việc ký giáp

ranh thì ông và mẹ ông có ký nhưng không ai thông báo cho ông biết về kích thước như thế nào.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Đình Th là ông Trần Đình Tr trình bày:

Gia đình ông đã mua thửa đất có diện tích 289,1m² theo đúng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp ngày 24/02/2012 và sau đó cất nhà cấp 4 và ở ổn định từ năm 1966 cho đến nay. Do nhà ở xuống cấp nên gia đình ông có nhu cầu tu sửa xây dựng mới vào tháng 6/2020 và hoàn thành tháng 11/2020 nhà mê đúc 01 mê 02 tầng. Việc ông Tr khởi kiện gia đình ông cho rằng ông lấn chiếm đất là hoàn toàn không có căn cứ và được UBND xã P xác nhận tại biên bản hòa giải không thành. Yêu cầu của ông Tr về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông thì cha ông không đồng ý, vì UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông đúng quy định. Trường hợp Tòa giải quyết xác định gia đình ông có lấn thì cha ông chấp nhận bồi thường.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T, ông Huỳnh N trình bày:

Thửa đất của ông Trần Đình Th đang sử dụng được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 304108 ngày 12/3/2007, tại thửa số 1743, tờ bản đồ số 20, diện tích 279m², trong đó 200m² đất ở và 79m² đất trồng cây hàng năm khác. Năm 2009 UBND huyện T triển khai dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai (dự án Vlap) về đo đạc, xác lập hồ sơ địa chính và lồng ghép cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16/10/2010, ông Trần Đình Th và Bà Lê Thị Mỹ V làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, được Hội đồng tư vấn xã P xét duyệt đủ điều kiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, UBND huyện đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đình Th và Bà Lê Thị Mỹ V số: BI 691796, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH06378 ngày 24/02/2012, tại thửa đất số 291, tờ bản đồ số 56, diện tích 289,1m² trong đó 200m² đất ở và 89,1m² đất trồng cây hàng năm khác. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Th là đúng quy định của pháp luật nên UBND huyện T không đồng ý với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trần Đình Tr trình bày:

Vào năm 2012 cha ông là Trần Đình Th được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 291, tờ bản đồ số 56, thửa đất có diện tích 289,1m² trong đó có 200m² đất ở tọa lạc thôn P, xã P, huyện T, tỉnh B. Nguyên thửa đất này gia đình ông mua năm 1966 ở ổn định cho đến nay. Do nhà ở xuống cấp nên gia đình ông có nhu cầu tu sửa xây dựng mới vào tháng 6 năm 2020 vợ chồng ông đã bỏ tiền ra xây dựng nhà ở trên phần đất của gia đình ông. Khi đổ mê 1 xong lên mê 2 thì ông Tr đập phá nhà ông vì cho rằng nhà ông xây sát nhà đê cây đôn giống nhà ông Tr. Sau đó hai bên nói chuyện và thỏa thuận đập hàng trụ bê tông tầng 2 vào 17cm,

hai bên đều ổn thỏa. Sau đó nhà ông vẫn xây tiếp thì một thời gian sau ông Tr tiếp tục đập phá, ngày 01/8/2020 địa phương mời làm việc nhưng không thành, đến ngày 13/8/2020, ngày 18/8/2020, UBND xã P cử cán bộ địa chính xuống đo đạc thì đất gia đình ông không có lấn sang đất nhà ông Tr vì đúng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông Tr còn đòi chém ông. Vì vậy ông đề nghị Công an xã giải quyết nhưng không thành. Do đó việc gia đình ông Tr ngăn cản việc gia đình ông xây dựng trên phần đất của gia đình ông là không có căn cứ, nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Tr. Ông Tr yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha ông thì ông không đồng ý, vì UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định, khi làm thủ tục các bên liên kết đều ký xác nhận không có tranh chấp. Trường hợp Tòa giải quyết cho rằng gia đình ông lấn đất của gia đình ông Tr thì gia đình ông chấp nhận bồi thường.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ V là ông Trần Đình Tr trình bày:

Bà là vợ của ông Trần Đình Th, bà thống nhất như ý kiến của ông Th và con là ông T

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Tuyết S trình bày:

Bà là vợ ông Trần Đình T. Vào năm 2012 cha chồng bà là Trần Đình Th được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 291, tờ bản đồ số 56, thửa đất có diện tích 289,1m² trong đó có 200m² đất ở tọa lạc thôn P, xã P, huyện T, tỉnh B. Nguyên thủy thửa đất này gia đình chồng mua năm 1966 ở ổn định cho đến nay. Do nhà ở xuống cấp nên gia đình chồng có nhu cầu tu sửa xây dựng mới nên vợ chồng bà đã bỏ tiền xây nhà vào tháng 6/2020. Khi bắt đầu xây dựng nhà ở trên phần đất của gia đình thì ông Tr kiểm chuyện ngăn cản không cho xây dựng trong khi giữa nhà ông Tr và gia đình chồng bà có hàng rào kẽm gai. Đến năm 2010, gia đình ông Tr xây nhà đã dỡ ra và hai bên gia đình thỏa thuận dỡ hàng rào kẽm gai và xây nhà. Do đó việc ông Tr ngăn cản gia đình chồng bà xây nhà là vô lý, không có căn cứ. Việc gia đình bà chỉ xây dựng trên phần đất của gia đình nên không lấn đất của gia đình ông Tr nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Tr.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Thanh Q, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Trần Thị Tuyết N, bà Lê Thị Mỹ P, Bà Lê Thị Bích T là ông Lê Thanh Tr trình bày:

Thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông Tr.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh Tr.

Xác định vợ chồng ông Trần Đình Th, Bà Lê Thị Mỹ V và vợ chồng ông Trần Đình T, bà Đỗ Thị Tuyết S có xây nhà lấn 2,455m² đất của gia đình ông Lê Thanh Tr.

Buộc vợ chồng ông Trần Đình Th, Bà Lê Thị Mỹ V và vợ chồng ông Trần

Đình T, bà Đỗ Thị Tuyết S cùng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh Tr, ông Lê Thanh Q, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Lê Thị Mỹ P, Bà Lê Thị Bích T, bà Trần Thị Tuyết N (tất cả do ông Lê Thanh Tr đại diện) số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để đền bù cho phần đất lấn chiếm 2,455m².

Bác yêu cầu của ông Tr về việc buộc ông Th tháo dỡ nhà trả lại phần đất lấn chiếm.

Bác yêu cầu của anh Tr về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 291, tờ bản đồ số 56, do ông Trần Đình Th, Bà Lê Thị Mỹ V đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 20/4/2022, ông Lê Thanh Tr kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề: Thẩm định giá đền bù phải theo giá thị trường đất ở hiện tại tỉnh lộ 640; yêu cầu gia đình ông Trần Đình Th phải tháo dỡ phần xây dựng lấn chiếm trả lại nguyên hiện trạng đất của gia đình ông theo hồ sơ địa chính năm 1993 đúng diện tích 140m², nếu không tháo dỡ phải bồi thường cho ông 600.000.000 đồng; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đình Th.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện T xem xét, giải quyết yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vi phạm về thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) hủy bản sơ thẩm và giữ hồ sơ để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có những sai sót như sau:

[1.1] Về xác định tư cách đương sự: Theo quy định của pháp luật đất đai thì người có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý đất đai là Ủy ban nhân dân các cấp nên Ủy ban nhân dân các cấp được xác định là đương sự khi tham gia tố tụng, nhưng cấp sơ thẩm lại xác định cá nhân Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh B là đương sự trong vụ án này là không đúng. Do đó, HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông Huỳnh N-Chủ tịch là đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện T.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính, thì xem xét việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, nhưng HĐXX Tòa án nhân dân huyện T lại đưa ra xem xét và quyết định về vấn đề này là vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án, lẽ ra HĐXX cấp phúc thẩm phải hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nêu trên. Tuy nhiên, việc cấp sơ

thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không làm thay đổi nội dung vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án nên HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, nhưng đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm về vấn đề này, tránh để xảy ra tình trạng tương tự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Thanh Tr, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Ông Tr cho rằng cấp sơ thẩm tự ý đưa ra giá đền bù đất làm ảnh hưởng đến quyền lợi của mình. Tuy nhiên, giá đất ở tại tỉnh lộ 640 theo giá thị trường, được Hội đồng định giá thống nhất tại Biên bản định giá tài sản ngày 24/3/2021 là 6.500.000 đồng/m². Tại phiên tòa sơ thẩm phía bị đơn tự nguyện bồi thường với giá 10.000.000/m² và được cấp sơ thẩm chấp nhận là có lợi cho phía nguyên đơn. Do đó, kháng cáo về phần này của ông Tr là không có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu gia đình ông Thrần Đình Th tháo dỡ phần xây dựng trả lại diện tích đất theo hồ sơ năm 1993: Ông Tr cho rằng việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap đã làm mất của gia đình ông 19,3m², đất của ông Th lại tăng 10,1m² so với hồ sơ năm 1993. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện trạng thực tế sử dụng đất của hai bên gia đình, thì diện tích đất thực tế không thay đổi và ranh giới giữa các thửa đất được các bên sử dụng đã ổn định từ lâu, việc thay đổi diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với hiện trạng sử dụng thực tế là do sai số khi đo đạc. Theo sơ đồ hiện trạng đo vẽ ngày 35/3/2021, thì thực tế trong quá trình xây dựng nhà vào tháng 6/2020, gia đình ông Th có lấn sang đất của gia đình ông Tr 2,455m² (làm tròn là 2,5m²), chứ không phải lấn 10,1m² như sai số trong quá trình đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên diện tích lấn chiếm thì gia đình ông Th đã xây dựng nhà ở kiên cố, nếu tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu của ngôi nhà, mất an toàn trong khi sử dụng nên cấp sơ thẩm buộc gia đình ông Th phải bồi thường giá trị diện tích đất đã lấn chiếm cho gia đình ông Tr mà không buộc gia đình ông Th phải tháo dỡ công trình đã xây dựng là có căn cứ. Về việc ông Tr yêu cầu nếu gia đình ông Th không Tháo dỡ phải bồi thường cho ông 600.000.000 đồng, thì vấn đề này trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm ông Tr không yêu cầu, cấp sơ thẩm không giải quyết nên trong phạm vi xét xử của mình HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để xem xét. Do đó, kháng cáo về phần này của ông Tr là không có cơ sở.

[2.3] Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại thời điểm cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Th, thì ông Trung và mẹ là bà Nguyễn Thị Mỹ D đã thống nhất ký vào Biên bản xác định ranh giới và không có ý kiến gì hay khiếu nại gì. Về trình tự, thủ tục cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Th là đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo về phần này của ông Tr là không có căn cứ.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí: Căn cứ quy định tại Các Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26,

khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Trần Đình Th và Bà Lê Thị Mỹ V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. Ông Trần Đình T và bà Đỗ Thị Tuyết Sương phải cùng chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Thanh Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

[3.2] Về Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.000.000 đồng, ông Lê Thanh Tr đã ứng chi xong. Theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Trần Đình Th, Bà Lê Thị Mỹ V, ông Trần Đình T, bà Đỗ Thị Tuyết S phải cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trung số tiền trên.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX. Ý kiến về việc giải quyết vụ án không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 148, 157, 165 khoản, 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 256, khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Thanh Tr. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B về xác định tư cách đương sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh Tr.

1.1 Xác định vợ chồng ông Trần Đình Th, Bà Lê Thị Mỹ V và vợ chồng ông Trần Đình T, bà Đỗ Thị Tuyết S có xây nhà lán chiếm 2,455m² (làm tròn số 2,5m²) đất của gia đình ông Lê Thanh Tr.

1.2 Buộc vợ chồng ông Trần Đình Th, Bà Lê Thị Mỹ V và vợ chồng ông Trần Đình T, bà Đỗ Thị Tuyết S phải cùng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh Tr, Ông Lê Thanh Q, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Lê Thị Mỹ P, Bà Lê Thị Bích T, bà Trần Thị Tuyết N 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền bồi thường cho phần đất đã lán chiếm (do ông Lê Thanh Tr đại diện nhận).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh Tr về việc buộc gia đình ông

Trần Đình Th tháo dỡ phần xây dựng nhà, trả lại phần đất đã lấn chiếm.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh Tr về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 291, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh B, do vợ chồng ông Trần Đình Th, Bà Lê Thị Mỹ V đứng tên.

4. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

4.1 Về án phí: Ông Trần Đình T và bà Đỗ Thị Tuyết S phải cùng chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Thanh Tr 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền số: 0000868 ngày 09/11/2020, số: 0005867 ngày 16/6/2021 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền số: 0006178 ngày 28/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4.2 Về chi phí tố tụng khác: Vợ chồng ông Trần Đình Th, Bà Lê Thị Mỹ V và vợ chồng ông Trần Đình T, bà Đỗ Thị Tuyết S phải cùng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lê Thanh Tr 7.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phanh Minh Dũng

Nguyễn Thanh Tuấn

Võ Công Phương

